



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025

SỬ MẠNG

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (thành lập năm 1996) là tổ chức hợp tác của những người lao động trí óc, hoạt động vì sự nghiệp "trồng người", không vì mục tiêu lợi nhuận, đào tạo các nhà kinh tế và kỹ thuật - công nghệ thực hành, các bác sỹ, được sỹ có tay nghề cao, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

NGƯỠNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO (Điểm sàn xét tuyển)

TT	Ngành/Khối ngành	Phương thức xét Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (Thang 30 điểm)	Phương thức xét Kết quả học tập THPT (Thang 30 điểm)	Phương thức xét Kết quả kỳ thi ĐGTD - TSA (Thang 100 điểm)	Phương thức xét Kết quả kỳ thi ĐGNL - HSA (Thang 150 điểm)
1	Tất cả các ngành (trừ khối Sức khỏe và Luật Kinh tế)	17 điểm	17 điểm	45 điểm	65 điểm
	Luật Kinh tế	18 điểm	18 điểm	60 điểm	90 điểm
2	Khối Sức khỏe				
	Ngành Y khoa	20,5 điểm	24 điểm	Kết quả học tập lớp 12: Tốt Kết quả rèn luyện: Tốt	Không xét
	Ngành Răng - Hàm - Mặt	20,5 điểm	24 điểm	Kết quả học tập lớp 11, 12: Tốt Kết quả rèn luyện: Tốt	Không xét
	Ngành Dược học	19 điểm	24 điểm	Kết quả học tập lớp 12: Tốt Kết quả rèn luyện: Tốt	Không xét
	Ngành Điều dưỡng	17 điểm	19,5 điểm	Kết quả học tập lớp 12: Khá Kết quả rèn luyện: Khá	Không xét

Lưu ý: Ngành Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất, Kiến trúc không xét theo phương thức xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức (TSA) hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức (HSA).

DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU

TT	Mã ngành	Ngành học	Mã PTXT	Chỉ tiêu *	Tổ hợp xét tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	100,200,402	960	A00,A01,X17,D01,C04,D10,D09,X25
2	7340120	Kinh doanh quốc tế	100,200,402	400	A00,X21,C04,D01,D10,D09,X25
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100,200,402	370	A00,A01,D10,X01,X17,C03,D01,X25
4	7340301	Kế toán	100,200,402	470	A00,X17,C03,D01,D10,C01,D09,X25
5	7380107	Luật kinh tế	100,200,402	300	A00,C00,X01,D01,D09,D10,C03,X25
6	7310101	Kinh tế	100,200,402	200	A00,A01,X17,D01,X21,X05,X06,X11
7	7310205	Quản lý nhà nước	100,200,402	40	D01,C00,X70,X78,X21,X05,X62,C04
8	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100,200,402	250	A00,A07,C00,X78,X21,X05,X74,C04
9	7480201	Công nghệ thông tin	100,200,402	960	A00,A01,D10,D01,X26,X06,X02,X05
10	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	100,200,402	150	A00,A01,X21,D01,X05,X06,X07,X11
11	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100,200,402	350	A00,A01,X21,D01,X05,X06,X07,X11
12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100,200,402	150	A00,A01,X21,D01,X07,X11,X05,X06
13	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	100,200,402	50	B00,A00,B03,C02,X07,X11,X05,A06
14	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	100,200,402	50	A00,B00,A06,D12,X13,X62,X01,D07
15	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100,200,402	40	A00,A01,A04,X01,X21,X05,X06,X11
16	7580106	Quản lý đô thị và công trình	100,200,402	50	A00,A01,C00,D01,X21,X05,X06,X11
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	100,200,402	320	D01,D09,X78,C00,X25,D14,D15
18	7220202	Ngôn ngữ Nga	100,200,402	50	D01,D09,X78,C00,X25,D14,D15
19	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100,200,402	950	D01,D09,D14,D15,C00,X25,X78
20	7720101	Y khoa	100,200	140	A00,A02,B00,D08,B03,X13
21	7720201	Dược học	100,200	180	A00,A01,A02,B00,D07,X09,X10,X06,X13
22	7720301	Điều dưỡng	100,200	60	A00,A01,A02,B00,D07,X09,X10,X06,X13
23	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100,200	60	A00,A02,B00,D08
24	7210403	Thiết kế đồ họa	405,406	100	H01,H06,H08
25	7580108	Thiết kế nội thất	405,406	50	H01,H06,H08
26	7580101	Kiến trúc	405,406	50	V00,V01,V02,H00,H06,V03,V06,H02

Ghi chú: Mã PTXT

100: Xét Kết quả thi tốt nghiệp THPT;

200: Xét Kết quả học tập THPT;

402: Sử dụng Kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN;

405: Thi THPT kết hợp điểm năng khiếu;

406: Xét Kết quả học tập THPT kết hợp điểm năng khiếu.

*Chỉ tiêu ở bảng trên là số chỉ tiêu của năm 2024 Bộ GD&ĐT giao cho Trường

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

- Nguyên tắc xét tuyển:** Căn cứ vào điểm xét tuyển, xếp từ cao xuống thấp
- Điểm xét tuyển:** Chi tiết cách tính điểm và quy đổi điểm của từng phương thức được công bố trong cuốn Thông tin tuyển sinh của Trường tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn

PHƯƠNG THỨC 1: Xét dựa vào kết quả học tập THPT

- Tiêu chí: Dựa vào Kết quả học tập cả năm lớp 12
- Điều kiện nộp hồ sơ: Xem chi tiết đối với các ngành tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn

PHƯƠNG THỨC 2: Xét dựa vào kết quả thi THPT

- Tiêu chí: Dựa vào Kết quả thi THPT Quốc gia 2025
- Điều kiện xét tuyển: Thí sinh có tổng điểm các môn thuộc tổ hợp của Ngành đăng ký xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng chung của Trường (sẽ có thông báo sau khi có kết quả thi THPT).

PHƯƠNG THỨC 3: Xét dựa vào kết quả ĐG tư duy, đánh giá năng lực

- Tiêu chí: Kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do ĐHBK Hà Nội tổ chức (TSA) hoặc Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG Hà Nội tổ chức (HSA).
- Điều kiện xét tuyển: Xem chi tiết đối với các ngành tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn

THÔNG TIN KHÁC

- Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong phạm vi cả nước
- Hồ sơ xét tuyển:**
 - Chi tiết xem tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn
- Hình thức nhận hồ sơ:**
 - ✓ Đăng ký nguyện vọng trên cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: thisinh.thithptquocgia.edu.vn
 - ✓ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường
 - ✓ Nộp trực tuyến tại tuyensinh.hubt.edu.vn
- Chính sách ưu tiên:** Thí sinh xét tuyển theo kết quả thi THPT được cộng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT.
 - ✓ Chính sách ưu tiên khác: theo quy chế của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.
 - Chi tiết xem tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn
- Lệ phí xét tuyển và học phí:**
 - ✓ Lệ phí xét tuyển và thi tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT
 - ✓ Học phí:
 - Chi tiết xem tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Cơ sở chính: Số 29A, Ngõ 124 Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội
Cơ sở 2: Phường Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Website: <https://hubt.edu.vn>
Website tuyển sinh: <https://tuyensinh.hubt.edu.vn>

024-36339113
1900633695

